## IT3362 - Kỹ năng ITSS học bằng tiếng Nhật 1

Phiên bản: 2021.1.0

### 1. THÔNG TIN CHUNG

| Tên học phần:        | Kỹ năng ITSS học bằng tiếng Nhật 1 (ITSS in Japanese 1)                    |  |
|----------------------|--|--|
| Mã số học phần:      | IT3362   |  |
| Khối lượng:          | 2(0-4-0-4) - Lý thuyết: 60 tiết - Bài tập/BTL: 0 tiết - Thí nghiệm: 0 tiết |  |
| Học phần tiên quyết: | Không  |  |
| Học phần học trước:  | Không  |  |
| Học phần song hành:  | Không  |  |

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Trong môn học này, sinh viên sẽ được học Javascript và React JS nhằm mục tiêu trở thành những kỹ sư full-stack. Không chỉ học kỹ thuật, thông qua việc nghiên cứu các case-study điển hình, sinh viên sẽ học hỏi các kỹ năng như phân tích nguyên nhân, Ho-Ren-Sou, vốn là những kỹ năng rất quan trọng để sau này sinh viên có thể phát huy hết khả năng và gặt hái thành công tại Nhật Bản. Ngoài ra, sinh viên còn được phát triển website của chính mình theo phương pháp Agile như một cách tổng hợp và ứng dụng tất cả các kiến thức đã học.

Mục tiêu: Sử dụng front-end framework; nắm được các công việc của kỹ sư Full-stack; giải thích và phác thảo được trang web được tạo bằng tiếng Nhật; nắm được phương pháp Ho-Ren-So và phân tích nguyên nhân; giải thích được các tài liệu đặc tả yêu cầu, tài liệu đặc thù bằng tiếng Nhật.

### 3. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng:

| Mục<br>tiêu/CĐR | Mô tả mục tiêu/Chuẩn đầu ra của học phần   | CĐR được phân<br>bổ cho HP/ Mức<br>độ (I/T/U) |  |
|-----------------|--|---|--|
| [1]             | [2]  | [3]   |  |
| M1              | Có thể sử dụng Javascript & React JS. Thành thạo công việc của Kỹ sư Full Stack                          | 1.1.4;2.3.3                                   |  |
| M1.1            | Sử dụng Javascript ES6, React JS   | [2.3.3] (U)                                   |  |
| M1.2            | Thành thạo công việc của Kỹ sư Full Stack  | [1.1.4] (T)                                   |  |
| M2              | Có thể giải thích được website tự tạo, các tài liệu đặc tả<br>yêu cầu do bản thân tạo ra bằng tiếng Nhật | 1.1.4   |  |

| M2.1 | Khái quát và giải thích được website tự tạo bằng tiếng<br>Nhật  | [1.1.4] |
|------|---|---------|
| M2.2 | Giải thích tài liệu đặc tả yêu cầu do bản thân tạo ra bằng tiếng Nhật   | [1.1.4] |
| M3   | Có thể vận dụng một cách chính xác các phương pháp<br>phân tích nguyên nhân, Hou - Ren - Sou, kiểm soát<br>chất lượng | 2.3.3   |
| M3.1 | Cách tư duy và làm việc của người Nhật  | [2.3.3] |
| M3.2 | Vận dụng một cách chính xác các phương pháp phân tích nguyên nhân, Hou - Ren - Sou; kiểm soát chất lượng              | [2.3.3] |

## 4. TÀI LIỆU HỌC TẬP

#### Giáo trình

[1] Slide do giáo viên tự biên soạn

[2]

#### Sách tham khảo

[1]

[2]

## 5. CÁCH ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

| Điểm thành phần        | Phương pháp đánh giá<br>cụ thể                                       | Mô tả                                  | CĐR được<br>đánh giá                     | Tỷ<br>trọng |
|------------------------|--|--|--|-------------|
| [1]                    | [2]  | [3]                                    | [4]                                      | [5]         |
| A1. Điểm quá trình (*) | Đánh giá quá trình   |  |  | 75%         |
|                        | A1.1. Các bài kiểm tra<br>nhỏ (minitest), báo cáo,<br>bài tập về nhà | Kiểm tra trên<br>giấy, viết báo<br>cáo | M1.1; M1.2;<br>M2.1; M2.2;<br>M3.1; M3.2 | 30%         |
|                        | A1.2. Phát biểu  | Thuyết trình                           | M1.1; M1.2;<br>M2.1; M2.2;<br>M3.1; M3.2 | 20%         |
|                        | A1.2. Thi giữa kỳ  | Thi viết                               | M1.1; M1.2;<br>M2.1; M2.2;<br>M3.1; M3.2 | 25%         |
| A2. Điểm cuối kỳ       | A2.1. Thi cuối kỳ  | Thi viết                               | M1.1; M1.2;<br>M2.1; M2.2;<br>M3.1; M3.2 | 25%         |

<sup>\*</sup> Điểm quá trình sẽ được điều chỉnh bằng cách cộng thêm điểm chuyên cần. Điểm chuyên cần có giá trị từ -2 đến +1, theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy của Trường  $\partial H$  Bách khoa Hà Nội.

## 6. KÉ HOẠCH GIẢNG DẠY

| Tuần | Nội dung  | CĐR<br>học<br>phần | Hoạt động dạy<br>và học                                       | Bài đánh<br>giá      |
|------|---|--------------------|---|----------------------|
| [1]  | [2]   | [3]                | [4]   | [5]                  |
| 1    | 1. Orientation:  • Giải thích về môn học  • Đăng ký môn học  • Chia sẻ các tài liệu môn học  2. Giới thiệu về Chatwork  |                    | Giới thiệu môn<br>học, phổ biến<br>nội quy,                   | Không                |
| 2    | Javascript ES6 (1):   | M1.1;              | Đọc trước tài   | Minitest             |
|      | <ol> <li>Cú pháp cơ bản</li> <li>Thực hành lập trình</li> <li>Học cách tư duy logic thông qua các bài tập</li> </ol> Thực hành với máy tính   | M1.2               | liệu;<br>Giảng bài  | Javascript<br>ES6(1) |
| 3    | Javascript ES6 (2):   | M1.1;              | Đọc trước tài   | Minitest             |
|      | 1. Cú pháp cơ bản 2. Thực hành lập trình 3. Học cách tư duy logic thông qua các bài tập  Thực hành với máy tính   | M1.2               | liệu;<br>Giảng bài;   | Javascript<br>ES6(2) |
| 4    | Cách tư duy và làm việc của người   | M3.1;              | Đọc trước tài   | Không                |
|      | Nhật (1):  1. Phân tích nguyên nhân và cải tiến - Phân tích 5 why - Phương pháp cải tiến 2. Thực hành   | M3.2               | liệu;<br>Giảng bài;<br>Bài đọc tình<br>huống                  |                      |
| 5    | Cách tư duy và làm việc của người Nhật (2):  1. Phương pháp Horenso - Giải thích về Horenso - Cách viết báo cáo 2. Thực hành  | M3.1;<br>M3.2      | Đọc trước tài<br>liệu;<br>Giảng bài;<br>Bài đọc tình<br>huống | Không                |
| 6    | Cách tư duy và làm việc của người Nhật (3):  1. Kỹ năng giao tiếp  - Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp; phương pháp giao tiếp  - Phương pháp hỏi và xác nhận  - Khả năng lý giải - Khả năng thuyết phục 2. Thực hành | M3.1;<br>M3.2      | Đọc trước tài<br>liệu;<br>Giảng bài;<br>Bài đọc tình<br>huống | Không                |
| 7    | React (1):  1. Các kiến thức cơ bản 2. Tạo ứng dụng To-do   | M1.1;<br>M1.2      | Giảng bài; thực<br>hành                                       | Không                |

|    | 3. Vận dụng  |               |   |                 |
|----|--|---------------|---|-----------------|
|    | Thực hành với máy tính   |               |   |                 |
| 8  | React (2):  - Thuyết trình ứng dụng React  Thực hành với máy tính  | M1.2;<br>M1.2 | Thuyết trình  | Thuyết<br>trình |
| 9  | Horenso (Thảo luận):  1. Kỹ năng thảo luận 2. Tìm hiểu qua các case-study  | M3.1;<br>M3.2 | Đọc trước tài<br>liệu;<br>Giảng bài;<br>Bài đọc tình<br>huống | Minitest        |
| 10 | Kiểm soát chất lượng:  1. Về chất lượng 2. Tầm quan trọng của việc kiểm soát chất lượng 3. Đảm bảo chất lượng (QA) và kiểm soát chất lượng (QC) 4. Tính cần thiết của việc kiểm soát chất lượng 5. Thực hành   | M3.1<br>M3.2  | Đọc trước tài<br>liệu;<br>Giảng bài;<br>Bài đọc tình<br>huống | Minitest        |
| 11 | <ul> <li>Úng dụng serverless:</li> <li>1. Phương pháp làm ứng dụng web</li> <li>2. Úng dụng serverless</li> <li>3. Firebase</li> <li>4. Chỉnh sửa ứng dụng To-do</li> <li>Thực hành với máy tính</li> </ul>  | M1.1;<br>M1.2 | Giảng bài; thực<br>hành                                       | Không           |
| 12 | Tài liệu đặc tả yêu cầu (specification) cho ứng dụng Web:  1. Các loại tài liệu phát triển 2. Cách viết tài liệu đặc tả yêu cầu - Sơ đồ khái quát hệ thống, tài liệu thiết kế màn hình, sơ đồ di chuyển màn hình - Về review 3. Các phương pháp phát triển - Waterfall/Agile - Phát triển Scrum - Product Backlog & Sprint 4. Quản lý tiến độ 5. Chia nhóm và chọn đề tài phát triển  Thực hành với máy tính | M2.1;<br>M2.2 | Giảng bài; hoạt<br>động nhóm                                  | Không           |
| 13 | Tạo ứng dụng Web:  1. Thuyết trình tài liệu đặc tả kỹ thuật  2. Review tài liệu đặc tả kỹ thuật  3. Bảng quản lý tiến độ  4. Chuẩn bị môi trường phát triển (Firebase)   | M2.1;<br>M2.2 | Giảng bài; hoạt<br>động nhóm                                  | Không           |

|    | Thực hành với máy tính   |               |                              |                 |
|----|--|---------------|------------------------------|-----------------|
| 14 | Tạo ứng dụng Web (tiếp):  1. Báo cáo tiến độ  2. Chuẩn bị thuyết trình | M2.1;<br>M2.2 | Giảng bài; hoạt<br>động nhóm | Không           |
| 15 | Thuyết trình ứng dụng Web:  1. Thuyết trình ứng dụng 2. Đánh giá       | M2.1;<br>M2.2 | Thuyết trình                 | Thuyết<br>trình |
| 16 | Ôn tập cuối kỳ   | M2.1;<br>M2.2 | Giảng bài                    | Không           |

# 7. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

(Các quy định của học phần nếu có)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

| Chủ tịch Hội đồng | Nhóm xây dựng đề cương |
|-------------------|------------------------|
|                   |                        |

# 9. QUÁ TRÌNH CẬP NHẬT

| Lần<br>cập<br>nhật | Nội dung điều chỉnh | Ngày<br>tháng<br>được phê<br>duyệt | Áp dụng từ<br>kỳ/khóa | Ghi<br>chú |
|--------------------|---------------------|------------------------------------|-----------------------|------------|
| 1                  |                     |                                    |                       |            |
| 2                  |                     |                                    |                       |            |